

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-ST

Ngày 23/9/2025

V/v: "Tranh chấp chia tài sản chung
và thừa kế tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Đào Xuân Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Triệu Quang Hưng - Thư ký viên.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2025/TLST-DS ngày 01/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Bắc Ninh (số 68/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cũ) về "tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/QĐST-DS ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn B, xã B, Bắc Ninh (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đào Xuân H, sinh năm 1960

Địa chỉ: TDP H, xã B Bắc Ninh (vắng mặt)

Ủy quyền cho ông Đỗ Viết S, sinh năm 1964, Địa chỉ: Tổ dân phố H, xã B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Đào Văn Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Anh Đào Văn D, sinh năm 1998 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã B, Bắc Ninh

3.3. Chị Đào Bích H1, sinh năm 1987

Địa chỉ: TDP P, phường D, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là bà Phạm Thị C trình bày: Bà và ông Đào Trọng H2 kết hôn với nhau năm 1981, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã B, tỉnh Bắc Ninh) và sinh được ba người con là: Đào Văn Đ, sinh năm 1983; Đào Bích H1, sinh năm 1987 và Đào Văn D, sinh năm 1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà ra ở riêng và san lấp được thửa đất để làm lò vôi và làm nhà ở tại thôn B, xã Đ, huyện Y. Năm 2004, hộ gia đình bà được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất này. Đến năm 2015 thì được cấp đổi thành giấy CNQSD đất số BX 768537 thửa đất số 191, tờ bản đồ số 97 diện tích 473,4m² (gồm 317m² đất ở và 156,4m² đất trồng cây lâu năm). Năm 2017 gia đình bà bán cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị H4 181,6m² nên diện tích còn lại là 291,8m². Năm 2019, chồng bà là ông Đào Trọng H2 chết không để lại di chúc, tài sản chung của hộ gia đình do bà và các con quản lý. Năm 2023 nhà nước thu hồi 34m² nên diện tích còn lại là 257,8m², nay thuộc thửa số 405, tờ bản đồ số 97. Cũng trong năm 2023, bố mẹ đẻ ông H2 là cụ Đào Văn X và cụ Nguyễn Thị T chết. Hai cụ chỉ có hai người con là ông Đào Trọng H2 (chồng bà) và ông Đào Xuân H. Nay gia đình bà có nhu cầu tách thửa đất của hộ gia đình nhưng ông Đào Xuân H (là anh trai của ông H2) không đồng ý, trong gia đình không thoả thuận được về việc phân chia. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

* Chia tài sản chung của hộ gia đình đối với thửa đất số 405, tờ bản đồ số 97, diện tích 257,8m² (gồm 157m² đất ở và 100,8m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn B, xã B, tỉnh Bắc Ninh) cho các thành viên trong hộ gia đình gồm bà, ông Đào Trọng H2 (chồng bà) và 3 con chung là Đào Văn Đ, Đào Bích H1 và Đào Văn D theo quy định của pháp luật.

* Chia phần di sản do ông Đào Trọng H2 để lại là phần tài sản chung trong hộ gia đình cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật.

** Tại bản tự khai và các tài liệu tiếp theo, bị đơn ông Đào Xuân H trình bày:* Bố mẹ ông là cụ Đào Văn X - cụ Nguyễn Thị T, đều sinh năm 1939 và chết năm 2023. Hai cụ sinh được hai người con là ông và ông Đào Trọng H2. Ông H2 kết hôn với bà Phạm thị C và sinh được 3 người con là Đào Văn Đ, Đào Bích H1, Đào Văn D. Năm 2019 ông H2 chết không để lại di chúc, tài sản ông H2 để lại là thửa đất số 405, tờ bản đồ số 97, tại thôn B, xã Đ, nay là Thôn B, xã B, tỉnh Bắc Ninh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX768537 ngày 24/02/2015 của UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang (cũ) thì thửa đất được cấp cho hộ ông Đào Trọng H2 và bà Phạm Thị C. Tại thời điểm ông H2 chết thì cụ T và ông X vẫn còn sống, năm 2023 hai cụ mới chết.

Tại thời điểm ông H2 chết năm 2019 thì thửa đất số 405, tờ bản đồ số 97, có diện tích 291,8m² (sau khi đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn

Thị H4 181,6m²). Sau khi ông H2 chết, năm 2023, Nhà nước thu hồi 34m² để làm đường nên diện tích hiện còn là 257,8m². Nay bà C khởi kiện, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1, anh Đào Văn D trình bày:* Các anh chị đều là con của ông Đào Trọng H2 và bà Phạm Thị C, nay bà C khởi kiện, các anh chị đều nhất trí với ý kiến của bà C trình bày và xin nhường lại toàn bộ phần tài sản mà mình được hưởng theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 405, tờ bản đồ số 97, diện tích 257,8m², địa chỉ thửa đất: thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cho mẹ đẻ là bà Phạm Thị C.

** Tại biên bản xác minh ngày 25/8/2025 đối với UBND xã B, tỉnh Bắc Ninh và Công an xã B, tỉnh Bắc Ninh xác minh được:*

Bà Phạm Thị C và ông Đào Trọng H2 là vợ chồng kết hôn hợp pháp năm 1981, có các con gồm: anh Đào Văn Đ, sinh năm 1983, chị Đào Bích H1, sinh năm 1987 và Đào Văn D, sinh năm 1998. Về thửa đất số 191, tờ bản đồ số 97 nay là thửa 405, tờ bản đồ số 97, diện tích 257,8m², địa chỉ thửa đất: thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn B, xã B, tỉnh Bắc Ninh) GCNQSD đất số BX768537 ngày 24/02/2015 của UBND huyện yên thế tỉnh B cũ, cấp mang tên hộ ông Đào Trọng H2 và Phạm Thị C. Thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng lần đầu ngày 29/12/2003 cho hộ ông Đào Trọng H2. Năm 2015 được cấp đổi, năm 2017 thửa đất được chuyển nhượng một phần diện tích cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị H4 181,6m² (160m² đất ở, 21,6m² đất trồng cây lâu năm). Năm 2023, thực hiện theo Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND huyện Y về việc thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị trấn B qua xã Đ, huyện Y đi trường Cao đẳng N, trong tổng diện tích thu hồi của dự án có 34m² đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình bà Phạm Thị C tại thửa 405, tờ bản đồ số 97. Sau khi thu hồi, diện tích thửa đất trên chỉ còn lại 257,8m² (trong đó 157m² đất ở và 100,8m² đất trồng cây lâu năm). Hộ bà C được đền bù theo quy định của nhà nước là 42.000 đồng/m², ngoài ra còn một số tài sản trên đất cần phá dỡ lấy mặt bằng nên tổng tiền bà C được đền bù là 29.029.000 đồng. Bà C đã nhận đủ số tiền đền bù, quá trình thu hồi 34m² đất trên không xảy ra khiếu nại, vướng mắc gì.

Về thời điểm cấp GCNQSD đất lần đầu đối với thửa đất trên là ngày 29/12/2003, xác định khi đó hộ gia đình ông Đào Trọng H2, bà Phạm Thị C gồm 5 thành viên: Ông Đào Trọng H2, bà Phạm Thị C, anh Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1, anh Đào Văn D.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản kết quả được như sau:*

Giá đất ở: 7.000.000 đồng/m²

Giá đất trồng cây lâu năm: 42.000đồng/m²

Ngoài ra trên đất còn có một căn nhà cấp IV loại 2 và Cây bạch đàn, hồng xiêm nhưng đương sự xác định đều là tài sản mới hình thành, sau thời điểm ông H2 chết nên xác định không có phần của ông H2, không yêu cầu xem xét, giải quyết. Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt giữ nguyên ý trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo pháp luật quy định.

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 157, 165, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 212, 219, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; khoản 25 Điều 3, Điều 27, khoản 1 Điều 259 Luật đất đai năm 2024; khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Xác định diện tích 257,8m² đất (gồm 157m² đất ở và 100,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 97, địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn B, xã B, tỉnh Bắc Ninh), theo GCNQSD đất số BX768537 ngày 24/02/2015 của UBND huyện Y và số tiền do Nhà nước đền bù sau thu hồi đất 29.029.000 đồng, tổng trị giá 1.132.262.600đ là tài sản chung của hộ gia đình gồm có các thành viên: Bà Phạm Thị C, ông Đào Trọng H2, anh Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1 và Đào Văn D; xác định phần của ông H2, bà C mỗi người 1/3 tổng giá trị tài sản (tương đương 377.420.800đồng) ; Anh Đ, chị H1, anh D mỗi người 1/9 tổng giá trị tài sản (tương đương 125.806.900đồng).

- Xác định phần tài sản (di sản) do ông Đào Trọng H2 để lại trị giá là 1/3 diện tích 257,8m² đất thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 97, địa chỉ tại thôn B, xã Đ, huyện Y và 1/3 số tiền do Nhà nước đền bù sau thu hồi đất, tổng giá trị tài sản là 377.420.800đồng; Các đồng thừa kế tài sản của ông H2 gồm có: Bà Phạm Thị C, anh Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1, Đào Văn D, cụ Đào Văn X và cụ Nguyễn Thị T; Xác định kỹ phần của mỗi người trị giá 62.903.500đồng. Do cụ X và cụ T đã chết nên ông Đào Xuân H và ông Đào Trọng H5 là người thừa kế của cụ X và cụ T. Do ông H2 đã chết trước cụ X và cụ T nên Anh Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1, Đào Văn D là hàng thừa kế thế vị được hưởng 62.903.500 đồng (mỗi người được hưởng 20.967.816 đồng).

Do anh Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1, Đào Văn D đều thống nhất cho bà C phần tài sản của mình được hưởng nên giao toàn bộ diện tích 257,8m² đất (gồm 157m² đất ở và 100,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 97, địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn B, xã B, tỉnh Bắc Ninh), theo GCNQSD đất số BX768537 ngày 24/02/2015 của UBND huyện Y cho bà Phạm Thị C được sử dụng và được sở hữu số tiền do Nhà nước đền bù

sau thu hồi đất 29.029.000 đồng, tổng trị giá 1.132.262.600đ nhưng bà C phải có nghĩa vụ trả cho ông Đào Xuân H (là người thừa kế của cụ X và cụ T) số tiền 62.903.500 đồng là 1/2 kỷ phần của cụ X và cụ T được hưởng thừa kế của ông Đào Trọng H2.

- Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần bà C được hưởng, miễn án phí đối với ông H (do là người cao tuổi)

Bà C phải chịu án phí phần tài sản được hưởng của các anh, chị Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1, anh Đào Văn D cho bà C là 31.451.700 đồng.

- Về chi phí tố tụng: Bà C tự nguyện nộp cả 5.545.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù bị đơn là ông Đào Xuân H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1 vắng mặt nhưng ông H có người đại diện theo uỷ quyền có mặt, chị H1, anh Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên cần áp dụng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện, bà C yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình bà, đồng thời chia phần thừa kế do chồng bà (chết năm 2019) để lại cho các đồng thừa kế, Tòa án xác định việc bà C khởi kiện trong thời hiệu pháp luật quy định và xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản” để áp dụng các quy định của pháp luật tương ứng trong việc giải quyết vụ án.

[3]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C:

3.1. Về yêu cầu chia tài sản chung: Căn cứ ý kiến trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Trước thời điểm ông Đào Trọng H2 chết thì hộ gia đình bà Phạm Thị C gồm có 5 thành viên gồm có bà C, ông H2 (chồng bà C) và 3 người con chung là anh Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1, Đào Văn D. Nay ông H2 chết, các thành viên còn lại không tự phân chia được nên việc bà C khởi kiện yêu cầu chia để làm căn cứ cho việc chia thừa kế tài sản là có căn cứ, cần được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các đương sự đều thừa nhận tài sản chung của hộ gia đình ban đầu là thửa đất số 191, tờ bản đồ số 97 tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, diện tích 473,4m. Thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 29/12/2003. Nguồn gốc tài sản này do vợ chồng ông H2 – bà C khai phá để ở riêng sau khi kết hôn. Tại thời điểm được cấp GCNQSD đất lần đầu đối với thửa đất

này, các thành viên sống cùng bà C – ông H2 là các con chung của ông bà gồm có anh Đ, anh D và chị H1.

Quá trình chung sống trên thửa đất, năm 2015 hộ ông H2 - bà C được cấp đổi giấy CNQSD đất, đến năm 2017 thì gia đình ông H2 – bà C bán cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị H4 diện tích 181,6m² nên diện tích còn lại là 291,8m². Trên đất còn có nhà ở và một số công trình cũ phục vụ sinh hoạt. Năm 2019, ông H2 chết, tài sản chung của hộ gia đình do bà C và các con quản lý. Năm 2023 nhà nước thu hồi 34m², được hỗ trợ, đền bù số tiền 29.029.000 đồng (bao gồm tiền đất và tài sản trên đất). Sau đó, bà C và các con đã phá nhà ở cũ, xây nhà ở mới như hiện nay trên diện tích đất còn lại là 257,8m², nay thuộc thửa số 405, tờ bản đồ số 97 (gồm 157m² đất ở và 100,8m² đất trồng cây lâu năm).

Như vậy, căn cứ vào nguồn gốc đất và quá trình sử dụng, có căn cứ xác định Diện tích đất 257,8m², gồm 157m² đất ở và 100,8m² đất trồng cây lâu năm tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn B, xã B, tỉnh Bắc Ninh), theo GCNQSD đất số BX768537 ngày 24/02/2015 của UBND huyện Y và số tiền được hỗ trợ, đền bù sau khi bị thu hồi đất 29.029.000đ là tài sản chung của vợ chồng ông H2 – bà C và các con là anh Đ, anh D, chị H1. Trong đó ông H2, bà C có công sức nhiều hơn, phần của mỗi người tương ứng với 1/3 giá trị tài sản (tương đương 377.420.800đ); 1/3 giá trị tài sản còn lại là phần của các con chung là anh D, anh Đ, chị H1 (phần của mỗi người con tương ứng với 1/9 giá trị tài sản, tương đương 125.806.900đ).

Đối với tài sản trên đất hiện nay là nhà ở và công trình phụ gắn liền được xây dựng sau khi ông H2 chết nên đây là tài sản chung của bà C, anh Đ, anh D và chị H1, không có phần của ông H2. Các đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu phân chia nên không xem xét, giải quyết.

[3.2.]. Về yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Đào Trọng H2:

[3.2.1]. Căn cứ vào việc phân chia tài sản chung nêu trên, xác định định phần tài sản của ông H2 được chia từ khối tài sản chung trong hộ gia đình là 1/3 diện tích 257,8m² thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 97, tương đương 377.420.800đ.

Các đương sự đều không yêu cầu xem xét về tiền mai táng phí cho ông H2, công sức bảo quản, tôn tạo của những người quản lý di sản và đều xác định ông H2 không có nghĩa vụ về tài sản nên cần xác định toàn bộ số tài sản được phân chia từ khối tài sản chung trong hộ gia đình là di sản do ông H2 để lại.

[3.2.2]. Xác định hàng thừa kế của ông Đào Trọng H2: Do ông H2 chết không để lại di chúc nên di sản do ông H2 để lại được chia theo pháp luật. Các đương sự đều trình bày ông H2 không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi, con riêng nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 còn sống tại thời điểm ông

H2 chết gồm có 06 người là: Cụ X, cụ T (là bố mẹ đẻ ông H2); bà C (vợ hợp pháp của ông H2) và các con chung của ông H2 với bà C là anh D, anh Đ, chị H1.

Như vậy, tài sản (di sản) của ông H2 để lại được chia đều cho 6 người, kỷ phần của mỗi người trị giá là: $377.420.800đ : 6 = 62.903.500đ$ (đã làm tròn số).

[3.3]. Căn cứ vào hiện trạng tài sản, nhu cầu sử dụng đất, phần tài sản được chia, kỷ phần được hưởng thì bà C và anh Đ, anh D đang quản lý thừa đất, nhà ở trên đất; anh Đ, anh D và chị H1 đều tự nguyện cho bà C phần tài sản của mình được hưởng. Vì vậy, trên cơ sở phần tài sản bà C được chia, được các con tự nguyện cho phần của họ được chia (tổng giá trị tương đương 8/9 khối tài sản), đồng thời xem xét đến kỷ phần của cụ X và cụ T được hưởng (tương đương 1/9 giá trị khối tài sản), cần giao cho bà C được sử dụng toàn bộ diện tích đất, được sở hữu số tiền 29.029.000đ đền bù thu hồi đất, tổng giá trị tài sản là 1.132.262.600đ nhưng bà C phải có nghĩa vụ chia thừa kế bằng tiền cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ X, cụ T phần tài sản mà hai cụ được thừa kế từ ông H2 là 125.807.000đ (do hai cụ hiện đã chết).

[4]. Xác định người thừa kế tài sản của cụ X và cụ T: Hai cụ là bố mẹ đẻ ông H2, đều chết năm 2023 (sau thời điểm ông H2 chết), các đương sự không cung cấp cho Tòa án về việc hai cụ có di chúc hay không. Ngoài hai người con là ông H2, ông H thì hai cụ không còn người con nào khác, không có người thừa kế khác nên nếu hai cụ không có di chúc trước khi chết thì những người được hưởng thừa kế tài sản của hai cụ tại thời điểm hai cụ chết là ông H và những người thừa kế thế vị của ông H2. Theo quy định của pháp luật thừa kế thì tài sản của hai cụ nếu có yêu cầu chia (trong trường hợp không có di chúc) thì sẽ được chia thành 2 phần bằng nhau, một phần chia cho ông H và một phần được chia cho các con của ông H2 (là anh Đ, anh D và chị H1). Tuy nhiên, để được chia di sản thừa kế của hai cụ theo pháp luật thì bắt buộc phải có ít nhất một người thuộc hàng thừa kế của hai cụ có yêu cầu chia. Trong vụ án này, ngoài yêu cầu khởi kiện của bà C về việc chia thừa kế tài sản của ông H2 thì các con của ông H2 là anh Đ, anh D, chị H1 không có yêu cầu độc lập, ông H không có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản thừa kế của cụ X và cụ T, cũng không cung cấp cho Tòa án các nội dung liên quan đến việc hai cụ có nghĩa vụ về tài sản trước khi chết hay không cũng như các khoản chi phí liên quan đến thừa kế để xem xét ưu tiên thanh toán trước khi chia thừa kế tài sản của hai cụ (theo quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự). Tại phiên tòa, lời khai của các bên đương sự có mâu thuẫn về việc lo chi phí mai táng cho hai cụ, phía bà C và anh D cho rằng anh Đ ở chung với hai cụ cho đến khi hai cụ chết nhưng không ai phải bỏ tiền ra để chi trả chi phí mai táng cho hai cụ vì hai cụ có để lại 1 khoản tiền để lo hậu sự, không ai phải chi trả, người đại diện theo uỷ quyền của ông H thì cho rằng ông H là con trưởng nên phải đứng ra lo liệu. Các bên đương sự cũng không tự thống nhất được về việc phân chia thừa kế tài sản của hai cụ tại phiên

toà. Vì vậy, Trong phạm vi khởi kiện của đương sự, Toà án chỉ xác định phần tài sản của hai cụ được hưởng thừa kế từ ông H2 là số tiền 125.807.000đ.

Do không xác định được việc cụ X và cụ T có để lại di chúc hay không để xác định người quản lý di sản theo di chúc, mặt khác những người thừa kế của hai cụ cũng chưa cử được người quản lý di sản nên cần tạm giao cho anh Đào Văn Đ (là một trong những người được thừa kế tài sản của hai cụ, ở chung với hai cụ trước khi hai cụ chết, đồng thời trước đó cũng là một trong số những người chiếm hữu phần di sản của hai cụ trong khối tài sản chung của hộ gia đình) quản lý di sản của hai cụ cho đến khi những người thừa kế cử được người quản lý di sản của hai cụ theo quy định tại khoản 2 Điều 616 Bộ luật dân sự hoặc đến khi di sản của hai cụ được phân chia.

Những người thuộc hàng thừa kế của cụ X, cụ T là ông H và anh Đ, anh D, chị H1 có quyền thoả thuận phân chia di sản của hai cụ hoặc có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết bằng vụ án khác nếu có tranh chấp.

[7]. Về án phí: Do bà Phạm Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các đương sự là anh Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1, anh Đào Văn D vẫn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia từ khối tài sản chung, được thừa kế của ông H2 nhưng tại phiên toà bà C thoả thuận chịu thay do được nhận tài sản từ họ nên cần buộc bà C phải chịu án phí thay cho anh Đ, anh D, chị H1. Ông H chưa được chia thừa kế trong vụ án này nên không phải chịu án phí. Các đương sự thuộc hàng thừa kế của cụ X, cụ T không phải thực hiện nghĩa vụ án phí thay cho hai cụ đối với phần tài sản hai cụ được hưởng thừa kế do hai cụ thuộc trường hợp được miễn.

[8]. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.545.000đ (mười triệu đồng), bà C tự nguyện chịu cả nên nghĩa vụ này không đặt ra đối với đương sự khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213, 219, 611, 612, 616, 623, 649, 650, 660 Bộ luật Dân sự; khoản 25 Điều 3, Điều 27, khoản 1 Điều 259 Luật đất đai năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Xác định diện tích 257,8m² đất (gồm 157m² đất ở và 100,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 97, địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn B, xã B, tỉnh Bắc Ninh), theo GCNQSD đất số BX768537 ngày 24/02/2015 của UBND huyện Y và số tiền do Nhà nước

đền bù sau thu hồi đất 29.029.000 đồng, tổng trị giá 1.132.262.600đ là tài sản chung của hộ gia đình gồm có các thành viên: Bà Phạm Thị C, ông Đào Trọng H2, anh Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1 và Đào Văn D; xác định phần của ông H2, bà C mỗi người 1/3 tổng giá trị tài sản (tương đương 377.420.800đ) ; Anh Đ, chị H1, anh D mỗi người 1/9 tổng giá trị tài sản (tương đương 125.806.900đ).

- Xác định phần tài sản (di sản) do ông Đào Trọng H2 để lại trị giá là 1/3 diện tích 257,8m² đất thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 97, địa chỉ tại thôn B, xã Đ, huyện Y và 1/3 số tiền do Nhà nước đền bù sau thu hồi đất, tổng giá trị tài sản là 377.420.800đ; Các đồng thừa kế tài sản của ông H2 gồm có: Bà Phạm Thị C, anh Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1, Đào Văn D, cụ Đào Văn X và cụ Nguyễn Thị T; Xác định kỹ phần của mỗi người trị giá 62.903.500đ.

Giao cho bà Phạm Thị C được sử dụng toàn bộ diện tích 257,8m² đất (gồm 157m² đất ở và 100,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 97, địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn B, xã B, tỉnh Bắc Ninh), theo GCNQSD đất số BX768537 ngày 24/02/2015 của UBND huyện Y và được sở hữu số tiền do Nhà nước đền bù sau thu hồi đất 29.029.000 đồng, tổng trị giá 1.132.262.600đ nhưng bà C phải có nghĩa vụ chia thừa kế cho những người thừa kế của cụ X1 – cụ T (gồm có ông Đào Xuân H, anh Đào Văn Đ, anh Đào Văn D và chị Đào Bích H1, do anh Đào Văn Đ trực tiếp nhận) số tiền 125.806.900đ (một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm linh sáu nghìn chín trăm đồng).

Tạm giao số tiền 125.806.900đ (là phần tài sản của cụ X - cụ T hưởng thừa kế từ ông Đào Trọng H2 do bà C chia) cho anh Đào Văn Đ quản lý cho đến khi những người thừa kế của cụ X - cụ T cử được người quản lý di sản hoặc đến khi di sản được phân chia.

* *Về án phí*: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị C đối với phần tài sản bà C được chia, được thừa kế. Bà Phạm Thị C phải chịu án phí đối với phần tài sản anh Đào Văn Đ, chị Đào Bích H1, anh Đào Văn D được chia, được thừa kế, tổng cộng là 28.306.500đ (hai mươi tám triệu ba trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* *Về chi phí tố tụng*: Bà Phạm Thị C thỏa thuận chịu cả số tiền 5.545.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã nộp đủ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 3 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà